

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 22 - 06 - 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Đức Bản

2. Ông Hoàng Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST - DS ngày 17 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST-DS ngày 01/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; Địa chỉ: Số, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật bà N - Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng ông T- Trưởng phòng giao dịch - Ngân hàng T - Chi nhánh Quảng Bình; Địa chỉ: Số, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Theo văn bản ủy quyền số 528/2020/GUQ-CNQB ngày 07/12/2020, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Anh Đ, sinh năm 1975; Địa chỉ: tổ dân phố, phường N, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; Chị Đinh Thị Xuân S, sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ dân phố, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, anh Đ có mặt, chị S vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Lương Thị L, sinh năm 1946 (mẹ của chị S); Địa chỉ: Tổ dân phố, phường B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:*

Vào ngày 14/05/2019 anh Phạm Anh Đ và chị Đinh Thị Xuân S có ký kết với Ngân hàng T để vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số LD1913400029 ngày

14/5/2019; Hạn mức tín dụng được là 3.000.000.000 đồng; Hạn cấp tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này; Mục đích vay vốn bổ sung kinh doanh; Theo Giấy nhận nợ số LD2004600125 ngày 15/02/2020: Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn cho vay 09 tháng, kỳ trả nợ gốc ngày 14/11/2020; Lãi suất cho vay 01 tháng đầu tiên: 10%/năm. Kể từ tháng thứ 02 trở đi, lãi suất được tính theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ+ (cộng) biên độ 3,2%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày 16/09/2020 lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ là 6,5%/năm => Lãi suất vay tương ứng với mức 9,7%/năm; Ngày 16/10/2020 đến nay lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ là 5,7%/năm => Lãi suất vay tương ứng với mức 8,9%/năm; Phương thức trả nợ, trả lãi ngày 15 hàng tháng, gốc trả cuối kỳ ngày 14/11/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay anh Đ và chị S đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số: 72/2019/HĐTC/PGĐ ký ngày 14/5/2019, được Văn phòng công chứng Trần Trọng Kiệm chứng nhận ngày 14/05/2019, số công chứng 2065 quyền số 05/2019 TP/CC-SCC/HĐGD; Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Hới ngày 14/05/2019, quyền số 11A, số thứ tự 000926.

Tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng 160m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số, tờ bản đồ số, địa chỉ thửa đất tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD102035, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04480, vào ngày 26/01/2016, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

- Quyền sử dụng 160m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số, tờ bản đồ số, địa chỉ thửa đất tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD102011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04456, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Hai thửa đất nêu trên được hợp thành một thửa là thửa đất số, tờ bản đồ số, diện tích 319.0m² đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 1, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Và tài sản trên đất nhà cấp 3 diện tích xây dựng 182.2m², diện tích sàn 364.4m², được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY094325, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08516 vào ngày 05/11/2020, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Quá trình ký kết hợp đồng ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S chỉ trả được tiền lãi 219.246.575đ tính đến ngày 14/10/2020. Số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/10/2020 đến nay chưa thanh toán cho Ngân hàng.

- Thẻ tín dụng chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên theo quy định của Khoản 2 Điều 9 Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 thì khoản vay cũng được chuyển sang nợ quá hạn theo quy định của Thông tư.

Nay Ngân hàng đề nghị ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S phải trả số tiền theo Giấy nhận nợ số: LD2004600125 ngày 15/02/2020 là gốc 3.000.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 22/6/2021; Lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa trả 242.494.521đ, lãi trong hạn 22.010.959đ, lãi chậm trả 1.332.718đ; Thẻ tín dụng tính đến ngày 22/6/2021 là 26.699.514 đ, trong đó gốc 25.724.058đ, lãi 975.456đ; Tổng cộng 3.292.537.712đ.

Trong trường hợp ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S không trả được nợ. Thì xử lý tài sản đã được thế chấp bảo đảm cho khoản vay đã nêu tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 72/2019/HĐTC/PGĐ ký ngày 14/05/2019, được Văn phòng công chứng Trần Trọng Kiệm chứng nhận ngày 14/05/2019, số công chứng 2065 quyền số 05/2019 TP/CC-SCC/HĐGD; Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Hới ngày 14/05/2019, quyền số 11A, số thứ tự 000926.

Hai thửa đất nêu trên được hợp thửa và chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CY094325, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS08516, do Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/11/2020 (Diện tích đất 319m², thửa đất số, tờ bản đồ số, tổ dân phố 1, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình). Tài sản đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 3: 02 tầng; diện tích xây dựng 182.2m²; diện tích sân: 364.4m² được xây dựng trên thửa đất nói trên.

3. Yêu cầu Ông Phạm Anh Đ và Bà Đinh Thị Xuân S phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất tại Giấy nhận nợ số LD2004600125 ngày 15/02/2020 (của Hợp đồng tín dụng số LD1913400029 ngày 14/05/2019) và Thẻ tín dụng, kể từ ngày 08/12/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc và nợ lãi.

**Ý kiến trình bày của bị đơn ông Phạm Anh Đ trình bày:* Đúng như đại diện nguyên đơn Ngân hàng T đã trình bày, do có nhu cầu vay vốn nên ngày 14/05/2019 anh Đ và chị S có ký kết với Ngân hàng tại Hợp đồng tín dụng số LD1913400029 ngày 14/5/2019 để vay số tiền: 3.000.000.000 đồng; Để đảm bảo cho khoản vay chúng tôi đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 72/2019/HĐTC/PGĐ ký ngày 14/05/2019, được Văn phòng công chứng Trần Trọng Kiệm chứng nhận ngày 14/05/2019, số công chứng 2065 quyền số 05/2019 TP/CC-SCC/HĐGD; Tài sản thế chấp trước đây hai thửa đất sau đó do nhu cầu làm nhà nên đã nhập thành một thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: CY094325, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS08516, do Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/11/2020, diện tích đất 319m², thửa đất số, tờ bản đồ số, địa chỉ thửa đất tổ dân phố, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, mang tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 3: 02 tầng; diện tích xây dựng 182.2m²; diện tích sàn 364.4m², được xây dựng trên thửa đất nói trên.

Quá trình vay vốn do việc kinh doanh không được tốt, hơn nữa gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do đó không có đủ điều kiện để trả nợ gốc và lãi như cam kết cho Ngân hàng. Nay phía Ngân hàng khởi kiện đồng ý số nợ như đại diện Ngân hàng đã trình bày, nay đề nghị phía Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ để gia đình tìm nguồn thu để trả nợ, nếu không trả được chấp nhận bàn giao số tài sản đã thế chấp nói trên cho Ngân hàng bán đấu giá để thu hồi nợ vay.

** Bà Đinh Thị Xuân S bị đơn trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà S không đến nên không có ý kiến.*

** Ý kiến người làm chứng bà Lương Thị L (Mẹ của bà S) trình bày:* Những lần Tòa gửi giấy triệu tập cho bà S thì bà không biết, bà có nhận 02 lần và đưa cho S nhưng S xé giấy và không chịu đi, nên bà đi thay S để nghe. Hiện S đang bị bệnh thần kinh nói nhiều, bà bảo đi Tòa án để giải quyết nợ của Ngân hàng nhưng S không chịu, khi nói đến khoản nợ Ngân hàng thì S nói nhiều hơn. Theo bà được biết trước đây S và Đ có vay Ngân hàng số tiền 1,2 tỷ đồng, nhưng hiện nay lên 03 tỷ đồng nên bà đề nghị Tòa án xem xét lại số nợ nói trên có đúng với thực tế hay không. Bà xin Ngân hàng giảm lãi cho Đ và S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, tranh chấp phát sinh trong hoạt động tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng và hộ gia đình có trụ sở và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đại diện Ngân hàng và bị đơn ông Đ đến Tòa án làm bản tự khai, còn bà S không đến nên không có bản tự khai về ý kiến của mình. Sau đó, Tòa án thông báo cho các bên đương sự đến để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn ông Đ có mặt còn bà S bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã hoà giải và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên do bà S không đến nên không thể thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ án số 52/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 để xét xử vào ngày

01/6/2021, bà S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐST-DS ngày 01/6/2021 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 22/6/2021. Tại phiên tòa bà S tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số LD1913400029 ngày 14/5/2019; Theo Giấy nhận nợ số LD2004600125 ngày 15/02/2020: Thẻ tín dụng ngày 16/5/2019 để Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Anh Đ, bà Đinh Thị Xuân S phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/6/2021, và thẻ tính dụng với số tiền 3.292.537.712đ. trong đó nợ gốc 3.000.000.000đ, nợ lãi quá hạn 242.494.521đ, nợ lãi trong hạn 22.010.959đ, nợ lãi chậm trả 1.332.718đ; Nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/6/2021 là 26.699.514 đ, trong đó gốc 25.724.058đ, lãi 975.456đ;

Hội đồng xét xử thấy: Toàn bộ hồ sơ vay vốn cũng như hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng là Ngân hàng và bị đơn ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S ký kết, các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của Điều 116, 117, 119 Bộ luật dân sự 2015. Về nội dung tuân theo các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng 2010, ông Đ, bà S có lập giấy đề nghị vay vốn, tham gia vào việc định giá tài sản thế chấp, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, ông Đức đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Ông Đ, bà S không trả được nợ dẫn đến nợ quá hạn kéo dài nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ, phù hợp với các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 và 95 của Luật tổ chức tín dụng 2010.

[3.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ bà S vay số tiền 3.000.000.000đ mới trả được cho Ngân hàng tiền lãi 219.246.575đ, tính đến ngày 14/10/2020. Từ ngày 15/10/2020 cho đến nay ông Đ bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ dư nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/10/2020. Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu ông Đ bà S trả nợ, tạo điều kiện cho ông bà trả nợ nhưng ông Đ bà S vẫn không thực hiện việc trả nợ nên đã vi phạm tại các Điều 6, 7 và Điều 8 của các Hợp đồng tín dụng và mục 7, 8, 9, 10 của Giấy nhận nợ đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông Đ có mặt còn bà S không có mặt nhưng xác định được ông Đ bà S không có khả năng thanh toán nợ hơn một năm nay.

Về thẻ tín dụng chưa vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên theo quy định của khoản 2 Điều 9 Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 thì khoản vay cũng được chuyển sang nợ quá hạn theo quy định của Thông tư, tính đến ngày 07/12/2020. Do đó, buộc ông Đ bà S có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền gốc và lãi tính đến ngày 22/6/2021 là 3.292.537.712đ. trong đó nợ gốc 3.000.000.000đ, nợ lãi quá hạn 242.494.521đ, nợ lãi trong hạn 22.010.959đ, nợ lãi chậm trả 1.332.718đ; Nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/6/2021 là 26.699.514 đ,

trong đó gốc 25.724.058đ, lãi 975.456đ. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng; Thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ vay;

[4] Tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông Đ bà S là thửa đất số 169, tờ bản đồ số 54, diện tích 160m², địa chỉ thửa đất tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD102035, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04480, vào ngày 26/01/2016, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S. Và thửa đất số 170, tờ bản đồ số 54, diện tích 160m², địa chỉ thửa đất tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD102011, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH04456, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Sau đó hai thửa đất nêu trên được hợp thành một thửa đất số, tờ bản đồ số, diện tích 319.0m² đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 1, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Tài sản trên đất nhà cấp 3 diện tích xây dựng 182.2m², diện tích sàn 364.4m², được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY094325, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08516 vào ngày 05/11/2020, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 72/2019/HĐTC/PGĐ ngày 14/5/2019, được công chứng vào ngày 14/5/2019 theo trình tự quy định tại khoản 1, 2, 3, 5, 6 Điều 35 và Điều 46, 47 của Luật Công chứng và được đăng ký thế chấp ngày 14/5/2019 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đồng Hới. Như vậy, trình tự thủ tục của Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, công chứng viên đã thực hiện việc công chứng đúng quy định của pháp luật. Tài sản của ông Đức bà Song nên ông, bà có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì ông Đ bà S đã ký vào hợp đồng thế chấp, hợp đồng thế chấp đã được công chứng, việc thế chấp tài sản bảo đảm đúng quy định tại Điều 317, 318, 319, 320 của Bộ luật dân sự 2015. Hợp đồng thế chấp tài sản số: 72/2019/HĐTC/PGĐ ngày 14/5/2019, được công chứng vào ngày 14/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Đ bà S có hiệu lực pháp luật buộc các bên ký kết phải có nghĩa vụ thi hành. Mặt khác, tại Điều 2, 9 của hợp đồng thể hiện tài sản thế chấp, Điều 3 của hợp đồng quy định phạm vi thế chấp và Điều 6 của hợp đồng quy định xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, khi ông Đ bà S không trả được nợ.

[5] Về án phí: Ngân hàng không phải chịu hoàn trả lại số tiền án phí cho Ngân hàng.

Ông Đ, bà S phải chịu án phí trên tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng là 3.292.537.712 đồng, là 72.000.000đ + 2% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 2.000.000.000đ là 1.292.537.712đ x 2% = 25.850.000đ + 72.000.000đ = 97.850.000 đồng, để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 và các Điều 116, 117, 119, 463, 465, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S phải trả cho Ngân hàng T, với tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/6/2021 là 3.292.537.712 đồng (Ba tỷ, hai trăm chín mươi hai triệu, năm trăm ba mươi bảy ngàn, bảy trăm mười hai đồng). Trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 242.494.521 đồng, nợ lãi trong hạn 22.010.959 đồng, nợ lãi chậm trả 1.332.718 đồng, nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 22/6/2021 là 26.699.514 đồng, trong đó gốc 25.724.058 đồng, lãi 975.456 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/6/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1913400029 ngày 14/5/2019; Giấy nhận nợ số LD2004600125 ngày 15/02/2020: Thẻ tín dụng ngày 16/5/2019, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chi nhánh Quảng Bình, Phòng giao dịch Đồng Hới và ông Phạm Anh Đ, bà Đinh Thị Xuân S.

2. Tài sản bảo đảm để thi hành nghĩa vụ thi hành án của ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S gồm:

Toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất và tài sản gắn liền với thửa đất số, tờ bản đồ số, diện tích 319.0m² đất ở tại đô thị, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 1, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Tài sản trên đất nhà cấp 3 diện tích xây dựng 182.2m², diện tích sàn 364.4m², được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CY094325, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08516 vào ngày 05/11/2020, đứng tên ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 72/2019/HĐTC/PGĐ ngày 14/5/2019, được ký kết giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng T, Chi nhánh Quảng Bình, Phòng giao dịch Đồng Hới; Bên thế chấp ông Phạm Anh Đ, bà Đinh Thị Xuân S, được công chứng ngày 14/5/2019, là tài sản đảm bảo để thi hành nghĩa vụ thi hành án của ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án Ngân hàng T có đơn yêu cầu thi hành án và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay. Ngân hàng T, Chi nhánh Quảng Bình, Phòng giao dịch Đồng Hới là nơi đang lưu giữ giấy tờ về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên chịu trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới để xử lý theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Phạm Anh Đ và bà Đinh Thị Xuân S phải chịu án phí án dân sự sơ thẩm 97.850.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng T, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng T, số tiền tạm ứng án phí 46.700.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006670 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 22/6/2021 đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc